

Đề bảo đảm chất lượng giảng dạy, giảng viên kiêm chức dạy ở nơi mình công tác có thể sử dụng tối đa là 6 giờ một tuần trong giờ chính quyền hoặc ba ngày một tháng (chủ yếu đề soạn bài). Việc quy định cụ thể số giờ cho từng giảng viên kiêm chức do Thủ trưởng đơn vị có giảng viên quyết định căn cứ yêu cầu của công tác giảng dạy và khả năng thực tế của từng giảng viên theo nguyên tắc không được quá một nửa tổng số giờ giảng dạy đã được quy định cho từng loại giảng viên chuyên nghiệp. Trong thời gian giảng dạy, nếu vượt quá số giờ quy định trên, sẽ xét đề chuyển người giảng viên kiêm chức ấy hưởng theo chế độ công tác và chế độ phụ cấp như giảng viên chuyên nghiệp. Giảng viên kiêm chức còn có thể đi dạy ở nơi khác nếu có yêu cầu của nơi đó với cơ quan quản lý giảng viên và được Thủ trưởng đồng ý trên nguyên tắc tổng số phụ cấp làm thêm giờ không quá 50% lương chính bản thân.

III. VỀ CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP THÙ LAO

Giảng viên các trường, lớp tại chức có trách nhiệm hoàn thành tốt ba khâu chủ yếu của công tác giảng dạy, là soạn bài, giảng bài và chấm bài. Căn cứ vào số khâu công tác hoàn thành đề quy định việc tính phụ cấp thù lao:

1. Cách tính phụ cấp thù lao:

a) Đối với các lớp buổi tối (hoặc theo ca, kíp) sẽ căn cứ vào số giờ giảng bài thêm ngoài số giờ tiêu chuẩn đề tính phụ cấp làm thêm giờ.

b) Đối với các lớp học bằng thư, có hai trường hợp:

— Nếu làm cả ba khâu (soạn, giảng, chấm) thì căn cứ vào số giờ giảng bài quá tiêu chuẩn đề tính phụ cấp thù lao.

— Nếu chỉ làm có hai khâu (soạn, chấm) thì căn cứ vào tính chất và số bài chấm được quy ra số giờ giảng bài để tính phụ cấp thù lao theo nguyên tắc từ 10 đến 15 bài chấm (đối với trung cấp), từ 8 đến 12 (đối với đại học) được tính là một giờ giảng bài, theo giá biểu phụ cấp dạy giờ hiện hành tại các trường đại học và trường trung cấp chuyên nghiệp. Việc định loại bài do Thủ trưởng cơ quan, trường học hoặc cơ sở sản xuất quyết định.

2. Mức phụ cấp:

a) Đối với giảng viên chuyên nghiệp, căn cứ vào giá biểu phụ cấp dạy giờ hiện hành tại các trường đại học và trung cấp chuyên nghiệp.

b) Đối với giảng viên kiêm chức, có ba trường hợp khi giảng dạy ở nơi mình đang công tác:

— Nếu soạn trong giờ chính quyền và giảng bài trong giờ chính quyền được hưởng 30% định mức giá biểu phụ cấp dạy giờ hiện hành;

— Nếu soạn trong giờ chính quyền và giảng ngoài giờ chính quyền (hoặc soạn ngoài giờ chính quyền và giảng trong giờ chính quyền), được hưởng 65% định mức giá biểu phụ cấp dạy giờ hiện hành;

— Nếu soạn ngoài giờ chính quyền và giảng ngoài giờ chính quyền, được hưởng 100% định mức giá biểu phụ cấp dạy giờ hiện hành.

Ngoài ra, trong trường hợp giảng viên kiêm chức được phép đi dạy ngoài (điều 2, mục II) thì được hưởng 100% định mức giá biểu phụ cấp dạy giờ hiện hành.

3. Cách thanh toán:

Mọi khoản chi phí về phụ cấp thù lao giảng dạy do nơi mở lớp thanh toán với cơ sở quản lý giảng viên.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Các Bộ, các ngành có trường, lớp đào tạo tại chức (học buổi tối, học bằng thư...) trung cấp và đại học đã được tổ chức theo quy chế chung ban hành tại Nghị định số 101-TTg ngày 11-10-1962 có trách nhiệm nghiên cứu, căn cứ vào thông tư này, đề có những quy định cụ thể cho ngành mình.

2. Những quy định trước đây về vấn đề chế độ công tác và phụ cấp giảng dạy cho giảng viên dạy ở các trường, lớp đào tạo tại chức (học buổi tối, học bằng thư...) đại học và chuyên nghiệp trung cấp trái với thông tư này đều bãi bỏ.

Hà-nội, ngày 15 tháng 9 năm 1963

KT. Bộ trưởng Bộ Giáo dục

Thư trưởng

LÊ VĂN GIANG

QUYẾT ĐỊNH số 142-QĐ về việc thành lập "Cơ quan thiết bị Trường học" trực thuộc Bộ Giáo dục

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC

Căn cứ Nghị định số 198-CP ngày 7-11-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Giáo dục;

Xét nhu cầu hiện nay;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Thành lập « Cơ quan thiết bị Trường học » trực thuộc Bộ Giáo dục, với nhiệm vụ và quyền hạn:

— Nghiên cứu tiêu chuẩn thiết bị cho các loại Trường các môn học; phối hợp với các Vụ chuyên môn hướng dẫn các địa phương mua sắm, bảo quản, sử dụng, chế tạo các loại học cụ;

— Trực tiếp tiến hành sản xuất các loại học cụ;

— Đặt mua các loại học cụ trong và ngoài nước để cung cấp cho các địa phương, các trường học;

— Ký kết các hợp đồng kinh tế cụ thể để mua, bán nguyên liệu, sản phẩm với các cơ quan khác.

Điều 2. — « Cơ quan thiết bị Trường học » là một cơ quan nghiên cứu, sản xuất và kinh doanh theo chế độ hạch toán kinh tế; tổ chức bao gồm: xưởng sản xuất học cụ, trạm cung cấp và nhóm nghiên cứu thiết bị, do một chủ nhiệm phụ trách và một hoặc hai phó chủ nhiệm giúp việc.

Điều 3. — Các ông Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài vụ Bộ Giáo dục chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 7 tháng 3 năm 1963

Bộ trưởng Bộ Giáo dục
NGUYỄN VĂN HUYỀN

BỘ Y TẾ

QUY ĐỊNH số 236-BYT-QĐ về nhiệm vụ của Viện Vệ sinh dịch tễ học.

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ nghị định số 153-CP ngày 5-10-1961 của Hội đồng Chính phủ về việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Bộ Y tế;

Căn cứ quyết định số 291-BYT-QĐ ngày 25-3-1961 sát nhập Viện Vi trùng và Viện Vệ sinh thành Viện Vệ sinh dịch tễ học trực thuộc Bộ Y tế;

Xét tình hình nhiệm vụ của Viện Vệ sinh dịch tễ học hiện nay và phương hướng hoạt động lâu dài;

— Theo đề nghị của các ông Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Vệ sinh phòng dịch Bộ Y tế và Viện trưởng Viện Vệ sinh dịch tễ học,

QUY ĐỊNH:

Điều 1. — Trong mấy năm qua, Viện Vệ sinh dịch tễ học đã thực hiện tốt nhiệm vụ của Bộ giao cho và đạt được một số thành tích nhất định,

Xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ của ngành ngày càng phát triển, công tác nghiên cứu về sinh dịch tễ, vệ sinh lao động cần được mở rộng hơn nữa mới bảo đảm phục vụ sản xuất, phục vụ dân sinh; do đó Bộ quy định lại nhiệm vụ cho Viện hoạt động trong hoàn cảnh thực tế của nước nhà.

Điều 2. — Viện Vệ sinh dịch tễ học có nhiệm vụ:

A. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Nghiên cứu và đề xuất với Bộ những vấn đề nghiên cứu khoa học trong mọi lĩnh vực về sinh dịch tễ phù hợp với yêu cầu trước mắt và lâu dài trong hoàn cảnh thực tế nước nhà.

2. Nghiên cứu những điều kiện sử dụng và hình thức áp dụng thực tế những kết quả nghiên cứu khoa học về vệ sinh dịch tễ, xây dựng các tiêu chuẩn vệ sinh dịch tễ, vệ sinh lao động, vệ sinh trường học, vườn trẻ, v.v...

3. Nghiên cứu và sản xuất các vaccin, huyết thanh điều trị, kháng nguyên, kháng huyết thanh và cung cấp môi trường phục vụ cho công tác xét nghiệm.

4. Đào tạo và bổ túc cán bộ trong ngành vệ sinh dịch tễ. Nghiên cứu và soạn tài liệu giáo khoa cho môn Vệ sinh dịch tễ.

5. Chỉ đạo chuyên môn các trạm vệ sinh phòng dịch, trạm kiểm dịch cửa bè, sân bay, biên giới.

6. Xác định các điều kiện vệ sinh về đất, nước, không khí, vệ sinh lao động và các điều kiện sinh dịch,

7. Góp ý kiến với Bộ về vấn đề các tổ chức vệ sinh dịch tễ và trang bị dụng cụ phương tiện chuyên môn cho các tổ chức ấy.

8. Nghiên cứu và soạn tài liệu giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học trong phạm vi vệ sinh dịch tễ.

9. Tổng kết và nhận xét việc thực hiện các biện pháp chuyên môn trong công tác vệ sinh phòng dịch của các địa phương.

10. Nghiên cứu và đề xuất các điều lệ về sinh.